

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

THỐNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
1	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCT13	Triết học Mác- Lê nin
2	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin
3	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCT16	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHPL01	Pháp luật đại cương
7	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHTL22	Tâm lý học đại cương
8	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHXXH06	Xã hội học đại cương
9	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHNC01	Phương pháp Nghiên cứu khoa học
10	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
11	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHKT28	Thống kê xã hội
12	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHNT13	Tin học văn phòng
13	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHGGQ03	Giáo dục thể chất HP1
14	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHGGQ04	Giáo dục thể chất HP2
15	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHGGQ07	Giáo dục thể chất HP3
16	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHQQ03	Giáo dục quốc phòng - an ninh
17	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHVVH07	Lịch sử văn minh thế giới
18	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
19	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHXXH03	Dân số và phát triển
20	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHPL07	Soạn thảo văn bản
21	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên
22	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHVVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam
23	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHTL17	Tâm lý học phát triển
24	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB02	Chính sách xã hội
25	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB01	An sinh xã hội
26	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB06	Tham vấn
27	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHPN08	Truyền thông và vận động xã hội

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
28	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHTL13	Tâm lý học lâm sàng
29	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHTL09	Kỹ năng sống
30	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHXXH09	Sức khỏe cộng đồng
31	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHTL06	Hành vi con người và môi trường xã hội
32	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB03	Nhập môn Công tác xã hội
33	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB13	Đạo đức nghề Công tác xã hội
34	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB22	Lý thuyết công tác xã hội
35	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB24	Công tác xã hội cá nhân
36	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB25	Công tác xã hội gia đình
37	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB14	Công tác xã hội nhóm
38	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB23	Phát triển cộng đồng
39	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB09	Thực hành công tác xã hội 1
40	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB10	Thực hành công tác xã hội 2
41	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB11	Thực hành công tác xã hội 3
42	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB34	Quản trị Công tác xã hội
43	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCB30	Kiến tập Công tác xã hội
44	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI05	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
45	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI06	Công tác xã hội với người cao tuổi
46	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI07	Công tác xã hội với người khuyết tật
47	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI10	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình
48	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI08	Công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán
49	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI09	Công tác xã hội với người nghiện ma túy
50	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI11	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần
51	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI12	Công tác xã hội trong trường học
52	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI13	Công tác xã hội trong bệnh viện
53	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI14	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS
54	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHNT23	Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội
55	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHGP01	Giới và phát triển
56	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHCI30	Kiểm huấn trong công tác xã hội

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
57	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHTT06	Thực tập tốt nghiệp
58	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2019	DHKL02	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học chọn 02 học phần trong số các học phần tự chọn thuộc phần Kiến thức chuyên sâu của ngành.
1	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHCT13	Triết học Mác-Lê nin
2	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin
3	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHCT16	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
5	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHNT08	Tiếng Anh chuyên ngành Giới và Phát triển
7	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHNT13	Tin học văn phòng
8	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGQ03	Giáo dục thể chất HP1
9	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGQ04	Giáo dục thể chất HP2
10	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGQ07	Giáo dục thể chất HP3
11	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHQG03	Giáo dục quốc phòng - an ninh
12	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHXXH01	Xã hội học đại cương
13	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHPL01	Pháp luật đại cương
14	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học
15	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHVVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam
16	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHPL07	Soạn thảo văn bản
17	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
18	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHTL09	Kỹ năng sống
19	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc
20	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên
21	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGC08	Lý thuyết phát triển
22	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHCB20	Phát triển cộng đồng
23	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGC02	Nhập môn Giới và Phát triển
24	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGC03	Phụ nữ học
25	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHTL22	Tâm lý học đại cương
26	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHNC10	Điều tra xã hội học

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
27	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHXXH03	Dân số và phát triển
28	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHTL21	Tâm lý học giới
29	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX14	Quyền con người
30	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHLD22	Pháp Luật Bình đẳng giới
31	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGK01	Phân tích giới
32	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGK03	Lồng ghép giới
33	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX01	Giới trong chính trị
34	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX02	Giới trong chính sách công
35	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHKT33	Giới trong kinh tế và quản trị
36	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
37	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX03	Giới và an sinh xã hội
38	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX05	Giới trong giáo dục và đào tạo
39	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX06	Giới trong dân số và gia đình
40	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX12	Giới trong khoa học và công nghệ
41	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX08	Giới và truyền thông đại chúng
42	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGK04	Đánh giá tác động giới
43	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX09	Giới trong chăm sóc sức khỏe
44	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHPN03	Nhiệm vụ công tác phụ nữ
45	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX10	Giới trong phát triển nông thôn bền vững
46	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX11	Giới, văn hóa và phát triển
47	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX07	Giới và môi trường
48	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGX13	Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới
49	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGK05	Kỹ năng tuyên truyền vận động giới
50	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGK06	Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển
51	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHPR19	Kỹ năng lãnh đạo
52	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGK07	Thực hành phân tích, lồng ghép giới
53	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGK09	Thực hành xây dựng và quản lý dự án phát triển
54	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGK08	Thực hành tuyên truyền vận động giới
55	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGC07	Thực tập tốt nghiệp
56	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2019	DHGC05	Khóa luận tốt nghiệp

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
1	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHCT13	Triết học Mác – Lênin
2	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
3	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHCT16	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
5	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH18	Giới trong chính sách và pháp luật
7	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHNT13	Tin học văn phòng
8	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học
9	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
10	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHGQ03	
11	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHGQ04	Giáo dục thể chất
12	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHGQ07	
13	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHQG03	Giáo dục quốc phòng – an ninh
14	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHTL10	Tâm lý học pháp luật
15	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLQ05	Xã hội học pháp luật
16	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLQ11	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới
17	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLQ12	Luật so sánh
18	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHCT11	Logic học đại cương
19	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên
20	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLQ15	Luật Hiến pháp
21	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH01	Luật Hành chính
22	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH20	Luật Tổ tụng hành chính
23	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH21	Luật Hình sự
24	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH22	Luật Tổ tụng Hình sự
25	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD33	Luật Dân sự
26	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH19	Luật Tổ tụng dân sự
27	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD30	Pháp luật Doanh nghiệp
28	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH23	Xây dựng văn bản
29	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLP01	Luật Lao động
30	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD22	Pháp luật về bình đẳng giới

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
31	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH06	Luật Đất đai
32	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLP12	Luật Hôn nhân và gia đình
33	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLQ17	Công pháp quốc tế
34	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLQ08	Tư pháp quốc tế
35	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH24	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo
36	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH10	Pháp luật về công chứng và chứng thực
37	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH32	Quản lý hành chính trong một số lĩnh vực
38	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH33	Tài phán hành chính
39	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH36	Trách nhiệm hành chính và cưỡng chế hành chính
40	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH35	Thực hành chuyên ngành Pháp Luật Hành chính
41	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD20	Luật thương mại
42	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD29	Pháp luật về sở hữu trí tuệ
43	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD08	Luật Đầu tư
44	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD34	Pháp luật tài chính
45	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD35	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
46	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD31	Thực hành chuyên ngành Pháp luật Kinh tế
47	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD36	Pháp luật về Hợp đồng
48	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD37	Pháp luật về giao dịch bảo đảm
49	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD38	Thủ tục giải quyết việc dân sự
50	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD23	Luật Thi hành án dân sự
51	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD24	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng
52	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD39	Thực hành chuyên ngành Pháp Luật Dân sự
53	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD11	Pháp luật môi trường
54	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLP11	Pháp luật giám sát và phản biện xã hội
55	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLP07	Pháp luật về quyền trẻ em
56	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD10	Luật ngân hàng
57	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLQ09	Kỹ năng tư vấn pháp luật
58	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD26	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực hôn nhân gia đình

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
59	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH27	Kỹ năng giải quyết các vụ, việc tranh chấp hành chính
60	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD13	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự
61	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH28	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng
62	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD27	Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong thương mại
63	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLD28	Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đất đai
64	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH29	Kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự
65	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH13	Kỹ năng tổ chức công sở
66	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLH09	Pháp luật về công chức, công vụ
67	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLP04	Pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình
68	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHLP05	Pháp luật về phòng chống buôn bán người
69	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHTT13	Thực tập tốt nghiệp
70	Luật	Luật	7380101	Luật 2019	DHKL07	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần trong khối kiến thức bổ trợ mà sinh viên chưa được học
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHCT13	Triết học Mác - Lênin
2	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHCT16	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam
5	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
6	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHPL03	Pháp luật kinh doanh du lịch
7	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHTL03	Tâm lý học du lịch
8	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học
9	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHVVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam
10	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHNT13	Tin học văn phòng
11	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHKT13	Thống kê du lịch
12	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHGQ03	Giáo dục thể chất
13	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHGQ04	
14	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHGQ07	
15	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHQG03	Giáo dục quốc phòng

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
16	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHVVH07	Lịch sử văn minh thế giới
17	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHVVH04	Lịch sử Việt Nam
18	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHPL07	Soạn thảo văn bản
19	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL18	Văn hoá và nghệ thuật ẩm thực
20	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL11	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao
21	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHKT02	Kinh tế vi mô
22	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHKT03	Kinh tế vĩ mô
23	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHGP01	Giới và phát triển
24	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHKT12	Kinh tế du lịch
25	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL01	Tổng quan du lịch

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
26	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHPR04	Quản trị Marketing
27	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHTH05	Quản trị nguồn nhân lực
28	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHKT07	Quản trị tài chính doanh nghiệp
29	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHTH34	Quản trị chất lượng
30	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
31	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL02	Quản trị điểm đến
32	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHPR15	Quản trị sự kiện
33	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL22	Điểm tuyến du lịch Việt Nam
34	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHTT10	Thực tập 1: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
35	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHNT24	Tiếng Anh Du lịch 1

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
36	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHNT25	Tiếng Anh Du lịch 2
37	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL25	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lữ hành 1
38	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL26	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và lữ hành 2
39	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL27	Quản trị kinh doanh lữ hành
40	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHTT11	Thực tập 2: Nghiệp vụ hướng dẫn và kinh doanh lữ hành
41	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL31	Nghiệp vụ khách sạn 1
42	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL32	Nghiệp vụ khách sạn 2
43	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL34	Quản trị kinh doanh khách sạn
44	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHTT12	Thực tập 2: Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn
45	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL14	Phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
46	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL35	Địa lý du lịch
47	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL30	Du lịch bền vững
48	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHKT30	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)
49	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHPR13	Marketing du lịch
50	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL12	Tài nguyên và kinh doanh du lịch
51	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHPR27	Hành vi tiêu dùng du lịch
52	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHKT24	Thanh toán quốc tế trong du lịch
53	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL28	Thực tập 3: Thực tập tốt nghiệp
54	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHDL29	Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận) hoặc tương đương
55	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHTH07	Quản trị chiến lược

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
56	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2019	DHPR28	Thương mại điện tử
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHCT13	Triết học Mác – Lênin
2	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
3	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHCT16	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam
5	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPL01	Pháp luật đại cương
7	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTL23	Tâm lý học Quản trị kinh doanh
8	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHCT11	Logic học đại cương
9	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHNT13	Tin học văn phòng
10	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHNT12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
11	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHGQ03	Giáo dục thể chất
12	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHGQ04	
13	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHGQ07	
14	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHQG03	Giáo dục quốc phòng an ninh
15	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTL09	Kỹ năng sống
16	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTL19	Kỹ năng tư duy
17	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc
18	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
19	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT02	Kinh tế vi mô
20	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT03	Kinh tế vĩ mô
21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT04	Kinh tế lượng
22	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH10	Quản trị học
23	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR08	Quản trị Marketing
24	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT05	Nguyên lý kế toán
25	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT07	Quản trị tài chính doanh nghiệp
26	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH04	Quản trị sản xuất
27	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH05	Quản trị nguồn nhân lực

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
28	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH34	Quản trị chất lượng
29	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT33	Giới trong Kinh tế và Quản trị
30	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
31	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH35	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp
32	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH07	Quản trị chiến lược
33	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH16	Quản trị kinh doanh quốc tế
34	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTT09	Kiến tập ngành
35	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHNT21	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1
36	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHNT22	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 2
37	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR10	Hành vi người tiêu dùng
38	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR11	Quản trị quan hệ khách hàng
39	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR12	Quản trị chuỗi cung ứng
40	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR28	Thương mại điện tử
41	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR29	Marketing xã hội
42	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT17	Đầu tư bất động sản
43	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT18	Phân tích và đầu tư chứng khoán
44	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT19	Quản trị dự án đầu tư
45	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT20	Quản trị rủi ro trong tài chính
46	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT21	Thị trường tài chính
47	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH36	Tuyển dụng, đào tạo và phát triển
48	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH37	Lương, thưởng và phúc lợi
49	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH38	Quan hệ lao động
50	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH39	Quản trị hiệu quả hoạt động
51	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH41	Hành vi tổ chức
52	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHLD14	Pháp luật kinh tế
53	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR01	Văn hóa kinh doanh
54	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT14	Thống kê kinh doanh
55	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học
56	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR19	Kỹ năng lãnh đạo
57	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR20	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
58	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR18	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh
59	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHPR25	Kỹ năng bán hàng hiện đại
60	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTH22	Kiểm soát trong quản trị kinh doanh
61	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên
62	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKT30	Hệ thống thông tin quản lý (MIS)
63	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHTT01	Thực tập tốt nghiệp
64	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2019	DHKL01	Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận) hoặc học 3 học phần thay thế, chọn từ khối kiến thức bổ trợ, phần tự chọn 6.2.4
1	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCT13	Triết học Mác - Lênin
2	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCT16	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHVVH05	Tiếng Việt thực hành
7	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHTL05	Tâm lý học truyền thông
8	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học
9	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
10	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHGQ03	Giáo dục thể chất

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
11	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHGQ04	
12	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHGQ07	
13	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHQG03	Giáo dục quốc phòng
14	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
15	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHTL19	Kỹ năng tư duy
16	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHVVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam
17	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHTH01	KN xây dựng và phát triển nhóm làm việc
18	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT01	Cơ sở tạo hình
19	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCN03	Nhập môn truyền thông đa phương tiện
20	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHGX15	Giới và truyền thông đại chúng
21	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHPL08	Pháp luật đại cương về truyền thông
22	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT15	Mỹ thuật cơ bản
23	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT05	Nhiếp ảnh
24	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC14	Kỹ thuật ghi hình
25	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC01	Lý thuyết và ngôn ngữ truyền thông

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
26	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT24	Nghệ thuật đồ họa chữ
27	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCN02	Xử lý hình ảnh
28	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCN05	Biên tập audio và video
29	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC28	Kiến tập 1
30	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC03	Kịch bản truyền thông
31	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC02	Truyền thông marketing tích hợp
32	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT06	Thiết kế nhận diện thương hiệu và poster quảng cáo
33	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT16	Vẽ minh họa và thiết kế nhân vật
34	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT08	Thiết kế giao diện website
35	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC06	Sản xuất phim quảng cáo
36	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC04	Quản lý dự án đa phương tiện
37	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC29	Kiến tập 2
38	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC10	Tổ chức sự kiện
39	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC11	Kinh doanh sản phẩm truyền thông số
40	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT18	Đồ họa ứng dụng

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
41	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT19	Mỹ thuật nâng cao
42	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên
43	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT17	Đồ họa chuyển động 2D
44	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT20	Thiết kế ấn phẩm truyền thông
45	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCN04	Dựng hình 3D cơ bản
46	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT21	Thiết kế đồ họa Game
47	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHCN06	Kỹ xảo đa phương tiện
48	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT22	Đồ họa chuyển động 3D
49	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC16	Kỹ năng khai thác thông tin
50	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC25	Biên tập tác phẩm báo chí
51	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC18	Kỹ năng dẫn chương trình
52	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC19	Kỹ năng viết cho truyền thông
53	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC26	Tác phẩm báo chí đa phương tiện
54	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC21	Chương trình và chiến dịch truyền thông
55	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC22	Chuyên đề Thực tế chính trị xã hội

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
56	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC27	Quan hệ công chúng
57	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT23	Thiết kế hình hiệu
58	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHMT10	Dựng hình 3D nâng cao
59	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHTT14	Thực tập tốt nghiệp
60	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHTT15	Khóa luận/Đồ án/Sản phẩm tốt nghiệp
61	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC23	Các loại hình truyền thông hiện đại
62	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2019	DHBC24	Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện
1	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 1
2	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 2
3	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHPL01	Pháp luật đại cương
6	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHTL22	Tâm lý học đại cương
7	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHXXH01	Xã hội học đại cương
8	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHNC04	Phương pháp Nghiên cứu khoa học
9	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHNT14	Tiếng Anh A1
10	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHNT15	Tiếng Anh A2 (học phần 1)
11	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHNT16	Tiếng Anh A2 (học phần 2)
12	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHNT17	Tiếng Anh B1 (học phần 1)

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
13	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHNT18	Tiếng Anh B1 (học phần 2)
14	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHKT28	Thống kê xã hội
15	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHNT13	Tin học văn phòng
16	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHGX03	Giáo dục thể chất HP1
17	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHGX04	Giáo dục thể chất HP2
18	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHGX07	Giáo dục thể chất HP3
19	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHGX03	Giáo dục quốc phòng - an ninh
20	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHVN07	Lịch sử văn minh thế giới
21	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
22	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHXX03	Dân số và phát triển
23	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHPL07	Soạn thảo văn bản
24	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHVN02	Cơ sở văn hóa Việt Nam
25	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHTL02	Tâm lý học phát triển
26	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHTL06	Hành vi con người và môi trường xã hội
27	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB02	Chính sách xã hội
28	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB01	An sinh xã hội
29	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB06	Tham vấn cơ bản
30	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHPN08	Truyền thông và vận động xã hội
31	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHPN09	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng
32	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHTL09	Kỹ năng sống
33	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHXX09	Sức khỏe cộng đồng
34	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB03	Nhập môn Công tác xã hội
35	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB13	Đạo đức nghề Công tác xã hội
36	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB22	Lý thuyết công tác xã hội
37	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB24	Công tác xã hội cá nhân
38	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB25	Công tác xã hội gia đình
39	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB14	Công tác xã hội nhóm
40	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB23	Phát triển cộng đồng

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
41	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB09	Thực hành công tác xã hội 1
42	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB10	Thực hành công tác xã hội 2
43	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB11	Thực hành công tác xã hội 3
44	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB27	Quản trị ngành Công tác xã hội
45	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCB30	Kiến tập Công tác xã hội
46	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCI05	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
47	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCI06	Công tác xã hội với người cao tuổi
48	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCI07	Công tác xã hội với người khuyết tật
49	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCI08	Công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán
50	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCI09	Công tác xã hội với người nghiện ma túy
51	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCI10	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình
52	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCI11	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần
53	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHCI12	Công tác xã hội trong trường học
54	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHNC05	Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên
55	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHNT28	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH
56	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHGP02	Giới và phát triển
57	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHPN12	Nghị vụ Công tác phụ nữ 1
58	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHPN13	Nghị vụ Công tác phụ nữ 2
59	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHTT06	Thực tập tốt nghiệp
60	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2017	DHKL02	Khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp
1	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 1
2	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 2
3	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
5	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHNT14	Tiếng Anh A1
6	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHNT15	Tiếng Anh A2 (HP1)
7	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHNT16	Tiếng Anh A2 (HP2)
8	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHNT17	Tiếng Anh B1(HP1)
9	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHNT18	Tiếng Anh B1(HP2)
10	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHNT13	Tin học văn phòng
11	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGGQ03	Giáo dục thể chất (HP1)
12	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGGQ04	Giáo dục thể chất (HP2)
13	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGGQ07	Giáo dục thể chất (HP3)
14	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGGQ03	Giáo dục quốc phòng - an ninh
15	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHXXH06	Xã hội học đại cương
16	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHPL01	Pháp luật đại cương
17	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHNC07	Phương pháp nghiên cứu Giới
18	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHVVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam
19	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHTL09	Kỹ năng sống
20	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
21	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc
22	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGC01	Lý thuyết phát triển xã hội
23	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHCB33	Phát triển cộng đồng
24	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGC02	Nhập môn Giới và Phát triển
25	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGC03	Phụ nữ học
26	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHTL22	Tâm lý học đại cương
27	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHKT28	Thống kê xã hội
28	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHCB32	Chính sách xã hội
29	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHTL02	Tâm lý học phát triển
30	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHTL21	Tâm lý học giới tính
31	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHLP06	Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của phụ nữ
32	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHLP03	Pháp luật Bình đẳng giới

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
33	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHPN11	Truyền thống và lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam
34	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGK01	Phân tích giới
35	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGK02	Lập kế hoạch giới
36	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGK03	Lồng ghép giới
37	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX01	Giới trong Chính trị
38	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX02	Giới trong Chính sách công
39	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHKT01	Kinh tế học về giới
40	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX03	Giới và An sinh xã hội
41	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHTH15	Giới trong Quản trị kinh doanh
42	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX05	Giới trong giáo dục và đào tạo
43	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX06	Giới trong dân số và gia đình
44	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX07	Giới và môi trường
45	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX08	Giới và truyền thông đại chúng
46	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX09	Giới trong chăm sóc sức khỏe
47	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHPN01	Nghịệp vụ CTPN 1
48	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHPN02	Nghịệp vụ CTPN 2
49	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX10	Giới và phát triển nông thôn bền vững
50	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX11	Giới, văn hóa và phát triển con người
51	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX12	Giới trong khoa học và công nghệ
52	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGK04	Đánh giá tác động giới
53	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGX13	Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới
54	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHLP09	Kỹ năng giám sát, phản biện xã hội
55	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGK05	Kỹ năng tuyên truyền vận động giới
56	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGK06	Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển
57	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017		
58	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHPR20	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định
59	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGK07	Thực hành phân tích, lồng ghép giới

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
60	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGK08	Thực hành tuyên truyền vận động giới
61	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGC04	Thực tập tốt nghiệp
62	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2017	DHGC05	Khóa luận/Thi tốt nghiệp
1	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 1
2	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 2
3	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
5	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHGP02	Giới và phát triển
6	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHTL22	Tâm lý học đại cương
7	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHNT14	Tiếng Anh A1
8	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHNT15	Tiếng Anh A2 (học phần 1)
9	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHNT16	Tiếng Anh A2 (học phần 2)
10	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHNT17	Tiếng Anh B1(học phần 1)
11	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHNT18	Tiếng Anh B1(học phần 2)
12	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHNT13	Tin học văn phòng
13	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHCT11	Logic học đại cương
14	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHGG03	Giáo dục thể chất học phần 1
15	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHGG04	Giáo dục thể chất học phần 2
16	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHGG07	Giáo dục thể chất học phần 3
17	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHGG03	Giáo dục quốc phòng – an ninh
18	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHNC08	Phương pháp nghiên cứu pháp luật
19	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ05	Xã hội học pháp luật
20	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHVV07	Lịch sử văn minh thế giới
21	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
22	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ01	Lý luận về nhà nước và pháp luật 1
23	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ02	Lý luận về nhà nước và pháp luật 2
24	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ04	Lịch sử nhà nước và pháp luật

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
25	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ10	Nghề luật và phương pháp học đại học ngành luật
26	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ03	Luật Hiến pháp Việt Nam
27	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH02	Xây dựng văn bản pháp luật
28	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH01	Luật hành chính
29	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD01	Luật dân sự Việt Nam 1
30	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD02	Luật dân sự Việt Nam 2
31	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH19	Luật Tổ tụng dân sự Việt Nam
32	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH03	Luật hình sự 1
33	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH04	Luật hình sự 2
34	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH05	Luật tố tụng hình sự
35	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP01	Luật lao động
36	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD04	Luật thương mại 1
37	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD05	Luật thương mại 2
38	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD06	Luật tài chính
39	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH06	Luật đất đai
40	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP02	Luật hôn nhân và gia đình
41	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP03	Pháp luật về bình đẳng giới
42	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ06	Pháp luật phòng chống tham nhũng
43	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ07	Công pháp quốc tế
44	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ08	Tư pháp quốc tế
45	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH07	Quản lý hành chính trong một số lĩnh vực
46	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH08	Luật tố tụng hành chính
47	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH09	Pháp luật về công chức, công vụ
48	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH10	Pháp luật về công chứng và chứng thực
49	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH11	Pháp luật thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
50	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH12	Chuyên đề thực hành chuyên ngành Pháp luật hành chính
51	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD07	Luật sở hữu trí tuệ
52	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD08	Luật đầu tư
53	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD09	Luật an sinh xã hội
54	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD10	Pháp luật ngân hàng
55	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD11	Pháp luật môi trường
56	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD12	Thực hành chuyên ngành Pháp luật kinh tế
57	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP11	Pháp luật về giám sát và phản biện xã hội
58	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP04	Pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình
59	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP05	Pháp luật về phòng chống mua bán người
60	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP06	Pháp luật về quyền của phụ nữ
61	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP07	Pháp luật về quyền trẻ em
62	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP08	Chuyên đề thực hành chuyên ngành Pháp luật về Phụ nữ và Bình đẳng giới
63	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH13	Kỹ năng tổ chức công sở
64	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH14	Soạn thảo văn bản hành chính
65	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLQ09	Kỹ năng tư vấn pháp luật
66	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH16	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp hình sự
67	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLH15	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp hành chính
68	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLD13	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự
69	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHLP09	Kỹ năng giám sát và phản biện xã hội
70	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHTT05	Thực tập tốt nghiệp
71	Luật	Luật	7380101	Luật 2017	DHKL05	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mac- Lê Nin 1

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
2	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mac- Lê Nin 2
3	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam
5	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHPL03	Pháp luật kinh doanh du lịch
6	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHTL03	Tâm lý học du lịch
7	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHVVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam
8	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHNT14	Tiếng anh A1
9	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHNT15	Tiếng anh A2 (Học phần 1)
10	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHNT16	Tiếng anh A2 (Học phần 2)
11	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHNT17	Tiếng anh B1 (Học phần 1)

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
12	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHNT18	Tiếng anh B1 (Học phần 2)
13	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHNT13	Tin học văn phòng
14	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHKT13	Thống kê du lịch
15	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHGQ03	Giáo dục thể chất (HP1)
16	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHGQ04	Giáo dục thể chất (HP2)
17	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHGQ07	Giáo dục thể chất (HP3)
18	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHQG03	Giáo dục quốc phòng
19	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHVVH07	Lịch sử văn minh thế giới
20	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHPL07	Soạn thảo văn bản
21	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL18	Văn hoá và nghệ thuật ẩm thực

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
22	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHKT02	Kinh tế vi mô
23	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHKT03	Kinh tế vĩ mô
24	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHGC06	Giới và Phát triển
25	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHKT12	Kinh tế du lịch
26	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL01	Tổng quan du lịch
27	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHPR04	Quản trị Marketing
28	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHTH05	Quản trị nguồn nhân lực
29	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHKT07	Quản trị tài chính doanh nghiệp
30	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHTH12	Quản trị chất lượng
31	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHTH11	Khởi sự kinh doanh

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
32	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHNC04	Phương pháp nghiên cứu khoa học
33	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL02	Quản trị điểm đến
34	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHPR15	Quản trị sự kiện
35	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL22	Điểm tuyến du lịch Việt Nam
36	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL06	Thực tập 1: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
37	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHNT24	Tiếng Anh Du lịch 1
38	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHNT25	Tiếng Anh Du lịch 2
39	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL04	Nghịệp vụ hướng dẫn du lịch
40	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL05	Quản trị lữ hành
41	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL09	Thực tập 2: Nghịệp vụ du lịch và Quản trị Lữ hành

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
42	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL07	Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn 1
43	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL08	Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn 2
44	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL10	Thực tập 2: Nghiệp vụ kinh doanh Khách sạn
45	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL24	Phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống
46	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL15	Địa lý du lịch Việt Nam và thế giới
47	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL30	Du lịch bền vững
48	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHTH06	Quản trị hệ thống thông tin quản lý
49	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHPR13	Marketing du lịch
50	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL12	Tài nguyên và kinh doanh du lịch
51	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHPR22	Hành vi người tiêu dùng

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
52	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHKT15	Thanh toán trong du lịch
53	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL19	Thực tập 3: Thực tập tốt nghiệp
54	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHDL29	Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận) hoặc tương đương
55	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHTH07	Quản trị chiến lược
56	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2017	DHPR28	Thương mại điện tử
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 1
2	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 2
3	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt nam
5	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHXXH01	Xã hội học đại cương
6	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPL01	Pháp luật đại cương
7	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTL22	Tâm lý học đại cương
8	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNT14	Tiếng Anh A1
9	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNT15	Tiếng Anh A2 (HP1)
10	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNT16	Tiếng Anh A2 (HP2)
11	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNT17	Tiếng Anh B1 (HP1)
12	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNT18	Tiếng Anh B1 (HP2)
13	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHCT11	Logic học đại cương

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
14	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNT13	Tin học văn phòng
15	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNT12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
16	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHGQ03	Giáo dục thể chất HP1
17	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHGQ04	Giáo dục thể chất HP2
18	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHGQ07	Giáo dục thể chất HP3
19	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHQG03	Giáo dục quốc phòng
20	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTL09	Kỹ năng sống
21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc
22	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
23	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT02	Kinh tế vi mô
24	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT03	Kinh tế vĩ mô
25	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT01	Kinh tế học về giới
26	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT04	Kinh tế lượng
27	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH14	Nhập môn Quản trị kinh doanh
28	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH15	Giới trong quản trị kinh doanh
29	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR03	Marketing căn bản
30	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR04	Quản trị Marketing
31	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT05	Nguyên lý kế toán
32	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT16	Lý thuyết tài chính – tiền tệ
33	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT07	Quản trị tài chính doanh nghiệp
34	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH04	Quản trị sản xuất
35	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH05	Quản trị nguồn nhân lực
36	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH09	Khởi sự kinh doanh
37	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH28	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp
38	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH07	Quản trị chiến lược
39	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH16	Quản trị kinh doanh quốc tế
40	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH34	Quản trị chất lượng
41	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNT21	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
42	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNT22	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 2
43	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR22	Hành vi người tiêu dùng
44	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR17	Quản trị quan hệ khách hàng
45	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR23	Quản trị chuỗi cung ứng
46	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR24	Marketing xã hội
47	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR21	Thương mại điện tử
48	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT56	Đầu tư bất động sản
49	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT23	Quản trị rủi ro trong tài chính
50	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT22	Quản trị dự án đầu tư
51	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT57	Phân tích đầu tư chứng khoán
52	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT58	Thị trường tài chính
53	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH29	Tuyển dụng, đào tạo và phát triển
54	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH30	Lương, thưởng và phúc lợi
55	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH31	Quan hệ lao động
56	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH32	Quản trị hiệu quả hoạt động
57	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH24	Hành vi tổ chức
58	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPL14	Pháp luật kinh tế
59	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR01	Văn hóa kinh doanh
60	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKT10	Thống kê kinh doanh
61	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHNC02	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh
62	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTH22	Kiểm soát trong quản trị kinh doanh
63	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR19	Kỹ năng lãnh đạo
64	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR18	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh
65	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR25	Kỹ năng bán hàng hiện đại
66	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR20	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định
67	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTL04	Tâm lý trong quản trị kinh doanh
68	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHPR16	Ứng dụng CNTT trong kinh doanh
69	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHTT03	Thực tập nghề nghiệp (báo cáo thực tập)

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
70	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2017	DHKL03	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận)
1	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mac- Lê Nin 1
2	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mac- Lê Nin 2
3	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
5	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCN01	Tin học đại cương
6	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHVN05	Tiếng Việt thực hành
7	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHGX15	Giới và truyền thông đại chúng
8	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHTL05	Tâm lý học truyền thông
9	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHTH09	Khởi sự kinh doanh
10	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
11	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHVN02	Cơ sở văn hóa Việt Nam.
12	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHNT14	Tiếng Anh A1
13	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHNT15	Tiếng Anh A2 (Học phần 1)
14	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHNT16	Tiếng Anh A2 (Học phần 2)

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
15	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHNT17	Tiếng Anh B1 (Học phần 1)
16	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHNT18	Tiếng Anh B1 (Học phần 2)
17	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHGQ03	Giáo dục thể chất học phần 1
18	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHGQ04	Giáo dục thể chất học phần 2
19	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHGQ07	Giáo dục thể chất học phần 3
20	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHQG03	Giáo dục quốc phòng – an ninh
21	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT01	Cơ sở tạo hình
22	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT02	Nguyên lý thị giác
23	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT03	Hình họa 1
24	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT04	Hình họa 2
25	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT05	Nhiếp ảnh
26	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCN02	Xử lý hình ảnh
27	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCN03	Nhập môn truyền thông đa phương tiện
28	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC01	Lý thuyết và ngôn ngữ truyền thông
29	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC02	Truyền thông marketing tích hợp

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
30	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHPL06	Pháp luật đại cương về truyền thông
31	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC09	Quan hệ công chúng
32	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC10	Tổ chức sự kiện
33	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT06	Thiết kế nhận diện thương hiệu và poster quảng cáo
34	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT07	Thiết kế dàn trang tạp chí
35	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT08	Thiết kế giao diện website
36	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT09	Thiết kế hoạt hình 2D
37	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCN04	Dựng hình 3D cơ bản
38	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT10	Dựng hình 3D nâng cao
39	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT11	Thiết kế hoạt hình 3D
40	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT12	Thiết kế hình hiệu
41	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC03	Kịch bản truyền thông
42	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC04	Quản lý dự án đa phương tiện
43	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC05	Kỹ thuật ghi hình
44	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC06	Sản xuất phim quảng cáo

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
45	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCN05	Biên tập audio và video
46	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHCN06	Kỹ xảo đa phương tiện
47	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC11	Kinh doanh sản phẩm truyền thông số
48	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc
49	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC12	Kiến tập
50	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHBC13	Thực tập chuyên ngành
51	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT13	Thực tập tốt nghiệp
52	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện 2017	DHMT14	Đồ án tốt nghiệp
1	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin (học phần 1)
2	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin (học phần 2)
3	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHPL01	Pháp luật đại cương
6	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHTL01	Tâm lý học đại cương
7	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHXH06	Xã hội học đại cương
8	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015		
9	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
10	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHNT14	Tiếng Anh A1

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
11	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHNT15	Tiếng Anh A2 (học phần 1)
12	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHNT16	Tiếng Anh A2 (học phần 2)
13	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHNT17	Tiếng Anh B1 (học phần 1)
14	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHNT18	Tiếng Anh B1 (học phần 2)
15	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHKT28	Thống kê xã hội
16	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHNT13	Tin học văn phòng
17	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHQG03	Giáo dục thể chất học phần 1
18	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHQG04	Giáo dục thể chất học phần 2
19	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHQG07	Giáo dục thể chất học phần 3
20	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHQG03	Giáo dục quốc phòng - an ninh
21	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHVV07	Lịch sử văn minh thế giới
22	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCT11	Logic học đại cương
23	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHXX03	Dân số và phát triển
24	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHTL09	Kỹ năng sống
25	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHVV02	Cơ sở văn hóa Việt Nam
26	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHTL02	Tâm lý học phát triển
27	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHGP02	Giới và phát triển
28	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHTL06	Hành vi con người và môi trường xã hội
29	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB02	Chính sách xã hội
30	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB01	An sinh xã hội
31	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB06	Tham vấn cơ bản
32	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHPN08	Truyền thông và vận động xã hội
33	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHPN09	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng
34	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHXX02	Gia đình học
35	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHXX09	Sức khỏe cộng đồng
36	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB03	Nhập môn Công tác xã hội
37	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB13	Đạo đức nghề Công tác xã hội
38	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB04	Lý thuyết công tác xã hội

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
39	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB05	Công tác xã hội cá nhân
40	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB25	Công tác xã hội gia đình
41	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB19	Công tác xã hội nhóm
42	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB23	Phát triển cộng đồng
43	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHNC03	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội
44	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB09	Thực hành công tác xã hội 1
45	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB10	Thực hành công tác xã hội 2
46	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB11	Thực hành công tác xã hội 3
47	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB27	Quản trị ngành Công tác xã hội
48	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCB15	Kiến tập Công tác xã hội
49	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI16	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
50	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI17	Công tác xã hội với người cao tuổi
51	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI18	Công tác xã hội với người khuyết tật
52	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI19	Công tác xã hội với nạn nhân bị mua bán
53	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI20	Công tác xã hội với người hoạt động mại dâm
54	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI21	Công tác xã hội với người nghiện ma túy
55	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI22	Công tác xã hội với người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS
56	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI23	Công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình
57	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI24	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần
58	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHCI25	Công tác xã hội trường học
59	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHNT28	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH 1
60	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHNT29	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH 2
61	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHPN10	Nhập môn Công tác phụ nữ
62	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHPN12	Công tác phụ nữ 1

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
63	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHPN13	Công tác phụ nữ 2
64	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHLH17	Hành chính văn phòng
65	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHTT06	Thực tập tốt nghiệp
66	Công tác xã hội	Công tác xã hội	77610101	Công tác xã hội 2015	DHKL04	Khóa luận/thi tốt nghiệp
1	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 1
2	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 2
3	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
5	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHNT14	Tiếng Anh A1
6	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHNT15	Tiếng Anh A2 (HP1)
7	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHNT16	Tiếng Anh A2 (HP2)
8	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHNT17	Tiếng Anh B1(HP1)
9	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHNT18	Tiếng Anh B1(HP2)
10	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHNT13	Tin học văn phòng
11	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGQ03	Giáo dục thể chất (HP1)
12	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGQ04	Giáo dục thể chất (HP2)
13	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGQ07	Giáo dục thể chất (HP3)
14	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHQG03	Giáo dục quốc phòng - an ninh
15	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHXXH06	Xã hội học đại cương
16	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHPL01	Pháp luật đại cương
17	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHNC07	Phương pháp nghiên cứu Giới
18	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHVVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam
19	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHTL09	Kỹ năng sống
20	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
21	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc
22	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGC01	Lý thuyết phát triển xã hội
23	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHCB33	Phát triển cộng đồng

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
24	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGC02	Nhập môn Giới và Phát triển
25	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGC03	Phụ nữ học
26	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHTL22	Tâm lý học đại cương
27	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHKT28	Thống kê xã hội
28	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHCB32	Chính sách xã hội
29	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHTL02	Tâm lý học phát triển
30	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHTL21	Tâm lý học giới tính
31	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHLP06	Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của phụ nữ
32	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHLP03	Pháp luật Bình đẳng giới
33	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHPN11	Truyền thống và lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam
34	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGK01	Phân tích giới
35	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGK02	Lập kế hoạch giới
36	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGK03	Lồng ghép giới
37	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX01	Giới trong Chính trị
38	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX02	Giới trong Chính sách công
39	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHKT01	Kinh tế học về giới
40	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX03	Giới và An sinh xã hội
41	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHTH15	Giới trong Quản trị kinh doanh
42	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX05	Giới trong giáo dục và đào tạo
43	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX06	Giới trong dân số và gia đình
44	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX07	Giới và môi trường
45	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX08	Giới và truyền thông đại chúng
46	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX09	Giới trong chăm sóc sức khỏe
47	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHPN01	Nghịệp vụ CTPN 1
48	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHPN02	Nghịệp vụ CTPN 2
49	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX10	Giới và phát triển nông thôn bền vững
50	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX11	Giới, văn hóa và phát triển con người

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
51	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX12	Giới trong khoa học và công nghệ
52	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX04	Đánh giá tác động giới
53	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX13	Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới
54	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHLP09	Kỹ năng giám sát, phản biện xã hội
55	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX05	Kỹ năng tuyên truyền vận động giới
56	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX06	Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển
57	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015		triển
58	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHPR20	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định
59	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX07	Thực hành phân tích, lồng ghép giới
60	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX08	Thực hành tuyên truyền vận động giới
61	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX04	Thực tập tốt nghiệp
62	Giới và phát triển	Giới và phát triển	7310399	Giới và phát triển 2015	DHGX05	Khóa luận/Thi tốt nghiệp
1	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 1
2	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 2
3	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
5	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHGP02	Giới và phát triển
6	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHTL22	Tâm lý học đại cương
7	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHNT14	Tiếng Anh A1
8	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHNT15	Tiếng Anh A2 (học phần 1)
9	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHNT16	Tiếng Anh A2 (học phần 2)
10	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHNT17	Tiếng Anh B1(học phần 1)
11	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHNT18	Tiếng Anh B1(học phần 2)
12	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHNT13	Tin học văn phòng
13	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHCT11	Logic học đại cương
14	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHGX03	Giáo dục thể chất học phần 1
15	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHGX04	Giáo dục thể chất học phần 2

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
16	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHGG07	Giáo dục thể chất học phần 3
17	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHGG03	Giáo dục quốc phòng – an ninh
18	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHNC08	Phương pháp nghiên cứu pháp luật
19	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ05	Xã hội học pháp luật
20	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHVV07	Lịch sử văn minh thế giới
21	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
22	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ01	Lý luận về nhà nước và pháp luật 1
23	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ02	Lý luận về nhà nước và pháp luật 2
24	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ04	Lịch sử nhà nước và pháp luật
25	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ10	Nghề luật và phương pháp học đại học ngành luật
26	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ03	Luật Hiến pháp Việt Nam
27	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH02	Xây dựng văn bản pháp luật
28	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH01	Luật hành chính
29	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD01	Luật dân sự Việt Nam 1
30	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD02	Luật dân sự Việt Nam 2
31	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH19	Luật Tố tụng dân sự Việt Nam
32	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH03	Luật hình sự 1
33	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH04	Luật hình sự 2
34	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH05	Luật tố tụng hình sự
35	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP01	Luật lao động
36	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD04	Luật thương mại 1
37	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD05	Luật thương mại 2
38	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD06	Luật tài chính
39	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH06	Luật đất đai
40	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP02	Luật hôn nhân và gia đình
41	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP03	Pháp luật về bình đẳng giới
42	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ06	Pháp luật phòng chống tham nhũng

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
43	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ07	Công pháp quốc tế
44	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ08	Tư pháp quốc tế
45	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH07	Quản lý hành chính trong một số lĩnh vực
46	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH08	Luật tổ tụng hành chính
47	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH09	Pháp luật về công chức, công vụ
48	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH10	Pháp luật về công chứng và chứng thực
49	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH11	Pháp luật thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo
50	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH12	Chuyên đề thực hành chuyên ngành Pháp luật hành chính
51	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD07	Luật sở hữu trí tuệ
52	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD08	Luật đầu tư
53	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD09	Luật an sinh xã hội
54	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD10	Pháp luật ngân hàng
55	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD11	Pháp luật môi trường
56	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD12	Thực hành chuyên ngành Pháp luật kinh tế
57	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP11	Pháp luật về giám sát và phản biện xã hội
58	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP04	Pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình
59	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP05	Pháp luật về phòng chống mua bán người
60	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP06	Pháp luật về quyền của phụ nữ
61	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP07	Pháp luật về quyền trẻ em
62	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP08	Chuyên đề thực hành chuyên ngành Pháp luật về Phụ nữ và Bình đẳng giới
63	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH13	Kỹ năng tổ chức công sở
64	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH14	Soạn thảo văn bản hành chính
65	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLQ09	Kỹ năng tư vấn pháp luật
66	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH16	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp hình sự
67	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLH15	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp hành chính

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
68	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLD13	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự
69	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHLP09	Kỹ năng giám sát và phản biện xã hội
70	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHTT05	Thực tập tốt nghiệp
71	Luật	Luật	7380101	Luật 2015	DHKL05	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHCT01	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 1
2	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHCT02	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê nin 2
3	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHCT03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHCT04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt nam
5	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHXXH01	Xã hội học đại cương
6	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPL01	Pháp luật đại cương
7	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTL22	Tâm lý học đại cương
8	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNT14	Tiếng Anh A1
9	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNT15	Tiếng Anh A2 (HP1)
10	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNT16	Tiếng Anh A2 (HP2)
11	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNT17	Tiếng Anh B1 (HP1)
12	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNT18	Tiếng Anh B1 (HP2)
13	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHCT11	Logic học đại cương
14	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNT13	Tin học văn phòng
15	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNT12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
16	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHGQ03	Giáo dục thể chất HP1
17	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHGQ04	Giáo dục thể chất HP2
18	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHGQ07	Giáo dục thể chất HP3
19	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHQG03	Giáo dục quốc phòng
20	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTL09	Kỹ năng sống
21	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc
22	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp
23	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT02	Kinh tế vi mô

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
24	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT03	Kinh tế vĩ mô
25	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT01	Kinh tế học về giới
26	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT04	Kinh tế lượng
27	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH14	Nhập môn Quản trị kinh doanh
28	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH15	Giới trong quản trị kinh doanh
29	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR03	Marketing căn bản
30	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR04	Quản trị Marketing
31	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT05	Nguyên lý kế toán
32	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT16	Lý thuyết tài chính – tiền tệ
33	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT07	Quản trị tài chính doanh nghiệp
34	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH04	Quản trị sản xuất
35	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH05	Quản trị nguồn nhân lực
36	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH09	Khởi sự kinh doanh
37	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH28	Thay đổi và phát triển doanh nghiệp
38	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH07	Quản trị chiến lược
39	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH16	Quản trị kinh doanh quốc tế
40	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH34	Quản trị chất lượng
41	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNT21	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 1
42	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNT22	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD 2
43	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR22	Hành vi người tiêu dùng
44	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR17	Quản trị quan hệ khách hàng
45	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR23	Quản trị chuỗi cung ứng
46	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR24	Marketing xã hội
47	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR21	Thương mại điện tử
48	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT27	Kế toán quản trị
49	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT23	Quản trị rủi ro trong tài chính
50	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT22	Quản trị dự án đầu tư
51	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT25	Phân tích tài chính doanh nghiệp

TT	Khoa/ Bộ môn	Ngành/Chuyên ngành		Tên chương trình đào tạo	Môn học/ Học phần	
		Tên Ngành/ Chuyên ngành	Mã		Mã	Tên Môn học/Học phần
52	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT26	Thanh toán quốc tế
53	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH29	Tuyển dụng, đào tạo và phát triển
54	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH30	Lương, thưởng và phúc lợi
55	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH31	Quan hệ lao động
56	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH32	Quản trị hiệu quả hoạt động
57	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH24	Hành vi tổ chức
58	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPL14	Pháp luật kinh tế
59	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR01	Văn hóa kinh doanh
60	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKT10	Thống kê kinh doanh
61	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHNC02	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh
62	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTH22	Kiểm soát trong quản trị kinh doanh
63	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR19	Kỹ năng lãnh đạo
64	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR18	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh
65	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR25	Kỹ năng bán hàng hiện đại
66	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR20	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định
67	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTL04	Tâm lý trong quản trị kinh doanh
68	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHPR16	Ứng dụng CNTT trong kinh doanh
69	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHTT03	Thực tập nghề nghiệp (báo cáo thực tập)
70	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh 2015	DHKL03	Thi tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp (bảo vệ khóa luận)

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC



TS. Trần Quang Tiến